

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
호찌민국립대학교
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
인문과학사회대학교

CẨM NANG SINH VIÊN
NGÀNH VIỆT NAM HỌC
베트남학과
입학 안내 책자

TP. Hồ Chí Minh, 2016

I. Đối tượng & Điều kiện dự tuyển vào ngành Việt Nam học 베트남학과 입학 자격 및 대상

Hỏi문 : Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP HCM đào tạo những ngành nào? Các bậc học? Cho đối tượng nào? 호찌민국립대-인문과학사회대학교 베트남학과는 어떤 분야를 교육하며, 개설 과정 및 입학 대상은?

Trả lời문답 : Khoa Việt Nam học hiện đào tạo ngành Việt Nam học bậc cử nhân và bậc Thạc sĩ.

Hiện, 베트남학과는 베트남학 관련 분야를 교육하고 있으며, 학사과정 및 석사과정이 개설되어 있다.

Bậc đại học chỉ đào tạo cho người nước ngoài.

학사과정 경우 외국인만을 위한 과정이다.

Bậc cao học đào tạo cho cả người Việt Nam và người nước ngoài. 석사과정 경우 베트남인과 외국인 지원 모두 가능한 과정이다.

Hỏi문 : Người nước ngoài muốn thi vào học chương trình cử nhân tại Khoa Việt Nam học cần phải có những điều kiện gì? 외국인 이 베트남학과 학사과정에 응시하려면 어떤 조건이 필요한가?

Trả lời문답 : Đề thi vào học chương trình cử nhân ngành Việt Nam học, thí sinh (là người nước ngoài) phải có bằng (hoặc giấy xác nhận) tốt nghiệp trung học phổ thông. Thí sinh nước ngoài không phải thi vào đại học nhưng phải tham dự kỳ kiểm tra trình độ tiếng Việt do Trường ĐH KHXH&NV tổ chức; đây là cơ sở quan trọng để Nhà trường xét tuyển.

베트남학과 학사과정 입학 응시자(외국인)는 반드시 고교 졸업장(또는 고교 졸업증명서)이 있어야 한다.

베트남 학과 학사과정은 외국인 전형임으로 일반대입시험에 응시와 달리 호찌민대 인문사회과학대학교가 주관하는

베트남어능력시험을 통한 입시전형으로, 본 능력시험이 베트남학과 신입생 선발 주요 조건이다.

Hỏi문: Thí sinh chuẩn bị hồ sơ dự tuyển vào Khoa Việt Nam học như thế nào? 베트남학과 입학 시험에 필요한 서류는?

Trả lời đáp: Để dự tuyển vào Khoa Việt Nam học, thí sinh cần chuẩn bị hồ sơ dự thi trước kỳ kiểm tra trình độ tiếng Việt. Thí sinh có thể mua hồ sơ tuyển sinh tại Văn phòng Khoa Việt Nam học và làm theo yêu cầu được hướng dẫn trong hồ sơ. Thí sinh cần chuẩn bị 2 hình thẻ 3 x 4cm, 02 bản dịch sang tiếng Việt có công chứng bằng *Tốt nghiệp Trung học phổ thông*, 02 bản dịch sang tiếng Việt có công chứng bằng *điểm cấp 3*, 03 bản photocopy có công chứng *hộ chiếu* (chỉ cần trang chính) nộp kèm theo hồ sơ.

베트남학과 입학시험 응시자는 베트남어능력시험 신청서를 작성하여 제출해야 하며, 신청서는 베트남학과 사무실에서 구입 가능하다.

신청서 및 제출 서류:

- 사진 3 매(3 x 4cm),
- 고교졸업장 또는 졸업예정증명서 (베트남어 번역 후 공증) 2부
- 고교성적증명서 (베트남어 번역 후 공증) 2부
- 여권 사본 공증본(사진 있는 부분만 복사) 3부

Hỏi문: Thí sinh nộp hồ sơ dự tuyển vào Khoa Việt Nam học ở đâu? 베트남학과 입학신청서 접수처는?

Trả lời đáp: Sau khi chuẩn bị đầy đủ các loại hồ sơ dự tuyển theo yêu cầu, thí sinh mang nộp hồ sơ dự thi cùng lệ phí dự thi theo thông báo tại văn phòng Khoa Việt Nam học (phòng A019).

전형에 필요한 서류가 준비되면 전형료와 함께 베트남학과 사무실(A019)에 제출하면 된다

Hỏi문: Thời gian tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Việt? Nội dung

kiểm tra gồm những gì? 베트남능력시험 일정 및 시험 수준은?

Trả lời 답: Kỳ kiểm tra này được Trường Đại học KHXH-NV tổ chức vào ngày 01-7 hàng năm. Thí sinh sẽ được kiểm tra các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết tiếng Việt, trình độ Sơ cấp (tương đương học xong VSL1&2).

매년 7 월 1 일 호찌민인문과학사회대학교 베트남어능력시험을 실시하며, 초급수준(VSL1&2 교재 내용 수준)의 듣기, 말하기, 읽기, 쓰기 등 기능별로 검증한다.

Hỏi 问: Thời gian thông báo kết quả xét tuyển? 시험 결과 통보 기간?

Trả lời 답: Theo thông báo kết quả tuyển sinh chung của Trường Đại học KHXH & NV, trong khoảng thời gian từ 15/8 đến 20/8. Thí sinh có thể liên hệ văn phòng Khoa Việt Nam học vào thời gian này để biết kết quả thi tuyển hoặc xem thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển trên website của khoa (www.vns.edu.vn).

입시 결과는 호찌민인문과학사회대학교 일반대학입학시험 결과 통보 기간과 동일하게 8 월 15 일에서 8 월 20 일 경 발표한다. 이 기간 동안 응시자들은 시험 결과를 학과사무실에 직접 연락하여 확인하거나 학과 홈페이지 (www.vns.edu.vn)에 게시된 대학입학시험 합격자 명단을 통해 확인할 수 있다.

Hỏi 问: Những thủ tục cần làm sau khi nhận được kết quả xét tuyển? 입학시험 합격 후 합격자 수속 절차는?

Trả lời 답: Sau khi nhận được kết quả trúng tuyển, thí sinh liên hệ Văn phòng Khoa Việt Nam học để nhận Giấy báo nhập học, mua hồ sơ và hoàn chỉnh hồ sơ (Lý lịch sinh viên, Phiếu khám sức khỏe, hình thẻ và các giấy tờ bổ sung khác...) nộp lại cho Văn phòng Khoa; nhận thông báo lịch sinh hoạt đầu năm học (Ngày khai giảng, lịch đi Orientation, ngày học chính thức...).

합격 통보를 받은 후, 합격자는 베트남학과 사무실에서 입학허가서를 받고, 입학 수속에 필요한 서류(학생이력서,

건강검진표, 사진 등)를 준비하여 학과사무실에 제출한다. 이 때 신입생에게 필요한 신입생 생활안내 사항을 통보받게 된다. (개강일, 오리엔테이션 일정, 수업시간 등...)

II. Quy chế học tập 안내

Hỏi문: Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Việt Nam học được tổ chức theo phương thức nào? 베트남학 학사과정은 어떤 형태로 진행되는가?

Trả lời답: Phương thức đào tạo hệ chính quy của Trường ĐH KHXXH&NV được tổ chức theo hệ thống tín chỉ. Phương thức đào tạo này có ưu điểm là giúp sinh viên chủ động trong việc tích lũy kiến thức, phát huy tính sáng tạo trong học tập và nghiên cứu của sinh viên.

베트남학과 과정은 학점이수제에 따른 본 대학 정규 교육과정이다.

본 교육과정은 학생들이 주도적으로 지식을 습득하게 하며, 학습 및 연구를 통해 학생의 창의력을 발휘하도록 하는 장점이 있다.

Hỏi문: Tín chỉ học tập là gì? Một tín chỉ được quy định bằng bao nhiêu tiết học? 학점은 무엇이며 1 학점은 몇 교시에 해당 되나?

Trả lời답: Tín chỉ học tập (gọi tắt là tín chỉ) là đơn vị dùng để xác định khối lượng học tập của sinh viên, qua đó đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

학점이란 학생의 총 학습량을 계산하기 위한 단위인데 이를 통하여 학생의 성적을 평가할 수 있다.

Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết (hoặc 30 tiết thực hành, thảo luận, hoặc 45-60 tiết thực tập, kiến tập, làm khóa luận tốt nghiệp).

1 학점은 이론 강의 15 교시에 해당된다. (토론 및 연습 경우 30 교시, 실습 및 견학 경우 45-60 교시, 졸업논문 작성과 상당)

Một tiết học được tính bằng 50 phút.

1 교시는 50 분 수업이다.

Hỏi 문: Học kỳ là gì? Một học kỳ có bao nhiêu tuần? Một năm học có mấy học kỳ? 학기란? 1 학기는 몇 주이며, 몇 학기제인가?

Trả lời 답: Học kỳ là thời gian để sinh viên hoàn thành một số học phần của chương trình đào tạo.

학기란 학과 교육 과정의 몇몇 이수과목을 수강하기 위한 기간이다.

Học kỳ chính là học kỳ có 15 tuần thực học, 2-3 tuần thi.

한 학기 당 15 주는 학습기간, 2-3 주는 시험기간이다.

Hỏi 문: Trường hợp cần nghỉ học tạm thời, sinh viên cần phải làm gì? 잠시 휴학이 필요할 경우 학생이 무엇을 해야 하나?

Trả lời 답: Sinh viên được quyền gửi đơn xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp như phải về nước tham gia quân đội, bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế, hoặc vì những nhu cầu cá nhân khác. Sau khi nhận đơn và xem xét, Nhà trường sẽ ra Quyết định cho phép sinh viên được tạm nghỉ học theo nhu cầu.

군입대, 질병, 사고로 인해 장기 치료를 받아야 한다는 의료기관의 증명이 있을 경우 또는 개인적인 사정으로 인해 잠시 휴학(하거나 현재까지의 학습 기간이 유효함을 인정받겠다는 서류를 제출할 수 있다. 학교는 서류를 검토한 후 학교 차원에서 휴학을 결정하는 허가서를 발급하게 된다.

Khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, sinh viên phải viết đơn gửi Phòng Công tác Sinh viên ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

복학을 원할 경우 본교에서 신학기 시작 1 주 전에 복학신청서를 학생관리처에 제출하면 된다.

Hỏi *문*: Trường hợp sau khi trúng tuyển, thí sinh không thể theo học, muốn bảo lưu kết quả trúng tuyển thì phải làm thế nào?

합격 이후 합격자가 학교를 다닐 수 없어 합격결과를 보류하고 싶으면 어떻게 해야 하나?

*Trả lời *답** : Sau khi trúng tuyển, nếu thí sinh không thể theo học vì nguyên nhân nào đó thì có thể làm đơn xin bảo lưu kết quả trúng tuyển theo mẫu, gửi Phòng Công tác Sinh viên để nhà trường ra Quyết định cho phép bảo lưu kết quả.

합격 후 사정 상 학교에 다닐 수 없을 경우 합격결과보류신청서를 작성하여 학생관리처에 제출할 수 있다.

Lưu ý: khi sắp hết hạn bảo lưu và muốn trở lại học, thí sinh cần làm đơn xin học lại gửi Phòng Công tác Sinh viên để Nhà trường làm quyết định tiếp nhận.

유의: 보류기한이 지나기 전까지 다시 공부하겠다는 재입학신청서를 학생관리처에 제출하면 학교는 재입학허가서를 발급한다.

Hỏi *문*: Sinh viên đang học tại Khoa Việt Nam học muốn chuyển đi học trường khác có được không? 베트남학과에 서 다른 대학교으로 전학이 가능한가?

*Trả lời *답** : Theo Quy chế đào tạo của Trường, sinh viên đang học tại Khoa Việt Nam học có thể làm đơn xin chuyển đi học một trường khác nếu được sự đồng ý của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội – Nhân văn (Đại học Quốc gia TPHCM) và Hiệu trưởng Trường sinh viên xin chuyển đến.

학교 교육규정에 따라 베트남학과에서 공부 중인 학생이 전학요청서를 제출할 수 있으며 본교 총장과 전학 가고자 하는 대학 총장의 동의를 받을 경우 가능하다.

Sinh viên không được phép chuyển trường khi đang học năm thứ nhất hoặc đang học năm thứ tư hoặc đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh

cáo trở lên.

đan, 1 học năm, 4 học năm 재학 중이거나 징계 중인 학생은 전학 허가를 받을 수 없다.

III. Chương trình, thời khóa biểu, lịch thi

교과과정, 강의시간표, 시험 일정

Hỏi문: Có thể xem chương trình đào tạo, thời khóa biểu, lịch thi ở đâu? 교과과정, 강의시간표, 시험일정을 어디에 게시되었나?

Trả lời: Sinh viên có thể xem chương trình đào tạo, thời khóa biểu học tập, lịch thi các môn của tất cả các lớp Việt Nam học từng học kỳ trên website của Khoa (www.vns.edu.vn).

매학기마다 학생들은 베트남학과 각 학년의 교과과정, 강의시간표, 시험 일시 등을 베트남학과 홈페이지에서 모두 확인할 수 있다.

Hỏi문: Thời gian học của các lớp được tổ chức như thế nào? 강의일정은 어떠한가?

Trả lời: Chương trình học tập mỗi năm học có 2 học kỳ chính như sau:

1년에 2 학기로 운영된다.

- Học kỳ 1 (học kỳ mùa thu) bắt đầu từ tuần lễ thứ 2 của tháng 9 (sau lễ 02/9, từ ngày 5 đến ngày 11 tháng 9). Thời gian học và thi kéo dài trong khoảng **15** tuần (kết thúc học kỳ vào cuối tuần thứ tư của tháng 01). Giữa học kỳ 1 và học kỳ 2 không có kỳ nghỉ trừ trường hợp năm đó kỳ nghỉ Tết Nguyên đán trùng vào các tuần lễ đầu học kỳ 2.

1 학기(가을 학기): 개강일: 9월 둘째 주 (9월 5일~ 11일 주간)

수업기간 및 시험기간: 15 주

종강일: 1월의 넷째 주

1 학기와 2 학기 사이에 휴강 없음

(단, 설연휴가 1 학기의 첫 주에 있을 경우는

제외)

- **Học kỳ 2** (học kỳ mùa xuân) bắt đầu từ tuần lễ cuối của tháng 01 hoặc tuần lễ thứ 1 của tháng 2, sinh viên sẽ học và thi kéo dài trong 15 tuần, kết thúc vào cuối tuần thứ 3 của tháng 6. Trong học kỳ 2 này có 03 tuần nghỉ Tết Nguyên đán. (Ba tuần nghỉ Tết Nguyên đán này thường rơi vào khoảng từ giữa tháng 1 đến giữa tháng 2 dương lịch tùy từng năm)

2 학기 (봄 학기): 개강일: 1 월의 마지막 주~2 월의 첫 주.

수업시간 및 시험 기간: 15 주

종강일: 2 학기는 6 월의 셋째 주

(단, 설연휴가 2 학기에 있을 경우 3 주 휴강).

Hỏi문: Việc thi giữa học kỳ và cuối học kỳ được tổ chức như thế nào? 중간고사와 기말고사는 어떻게 봐야 하나?

Trả lời: Mỗi môn học sẽ có 2 kỳ kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ.

매 과목마다 중간시험과 기말시험이 있다.

- *Kiểm tra giữa kỳ* được tổ chức khi môn học đã diễn ra được khoảng ½ thời lượng và nội dung dành cho môn học đó. Hình thức kiểm tra giữa kỳ do giảng viên trực tiếp giảng dạy môn học đó quyết định: có thể làm bài tiểu luận ở nhà, làm bài thi viết trên lớp hoặc thi vấn đáp.

중간 사는 한 과목 수업량의 ½이 진행되었을 때 보며, 해당과목 담당 강사가 직접 중간고사 형식을 결정할 수 있다. (즉 문답, 필기 시험 또는 과제 등으로 결정 가능)

- *Kiểm tra cuối kỳ* được tổ chức sau khi môn học đã kết thúc và tổ chức vào tuần thứ 16, 17 của học kỳ (học kỳ 1 vào các tuần lễ cuối tháng 12, đầu tháng 1; học kỳ 2 vào 2 tuần lễ đầu của tháng 6).

기말고사는 한 과목의 강의가 끝난 후 즉, 매 학기 16-17 주 사이에

본다. (1 학기 기말고사 기간: 12 월 마지막 주 ~ 1 월 첫 주,

2 학기 기말고사 기간: 6 월 첫 주 ~ 둘째 주)

Hỏi문: Đánh giá kết quả học tập của từng học phần? 이수 과목 여부 평가는 어떻게 하나?

Trả lời답: Điểm của mỗi học phần được đánh giá dựa trên kết quả học tập

toàn diện của sinh viên trong suốt học phần đó. Điểm mỗi học phần gồm 30% điểm kiểm tra giữa kỳ cộng với 70% điểm kiểm tra cuối kỳ.

이수 과목은 학생의 포괄적인 학습결과에 따라 결정된다.

이수 성적은 중간고사 점수 30%와 기말고사 점수 70%를 포함한다.

Điểm học phần còn có thể bao gồm các loại điểm thành phần: Điểm

đánh giá năng lực hoặc nhận thức của sinh viên trong các buổi thảo luận; điểm đánh giá kết quả thực hành hoặc bài tập; điểm đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên trong quá trình học tập. Mỗi loại điểm có trọng số riêng do giảng viên phụ trách học phần quy định và được cộng vào điểm bài thi giữa kỳ hoặc cuối kỳ.

이수 성적은 토론 중 학생의 능력 및 지식, 연습 및 실습 결과, 학습 과정의 충실함 여부 등 여러 가지 포함한다. 이것은 수강하는 과목의 담당 강사가 결정하게 된다.

Hỏi문: Sinh viên muốn biết điểm các môn học đã thi xong thì làm thế nào? 학생이 본인의 성적을 확인하려면 어떻게 하나?

Trả lời답: Sinh viên muốn biết kết quả học tập của mình thì có thể vào website của Khoa Việt Nam học để xem theo các bước sau:

자신의 성적을 알기 원하는 학생은 학과 홈페이지에서 확인이 가능하며 다음과 같은 방법으로 접속할 수 있다.

- Vào website: www.vns.edu.vn 학과 홈페이지 접속

- Vào **Members' Area (Tu liệu & Tra cứu)** 회원 가입

- Nhập **Username (Tên đăng nhập)** và **Password (Mật khẩu)** Username 과 Password 를 입력하면 된다.

* Lưu ý: Sinh viên muốn xem được điểm, phải cung cấp cho Giáo vụ Khoa địa chỉ e-mail; sinh viên sẽ nhận được Username và Password qua địa chỉ email. Sau khi đăng nhập, sinh viên có thể thay đổi password. Tuy nhiên đối với những môn mà sinh viên không làm phiếu khảo sát môn học vào cuối mỗi học kỳ thì điểm của môn đó sẽ không được hiển thị trên bảng điểm.

유의사항: 성적 확인을 원할 경우 반드시 학과 교무담당자에게 이메일로 연락하면 학생의 임시 Username 과 Password 를 받을 수 있다. 사이트에 로그인 한 후 비밀번호를 변경할 수 있다. 한 과목 설문조사표를 치지 않으면 그 과목의 점수가 표시되지 않을 것입니다.

Hỏi đ: Về việc miễn học các môn tiếng Việt? 베트남어 과목 면제에 대해서

Trả lời đ: Theo quy định của nhà trường, sinh viên có Chứng chỉ tiếng Việt trình độ B trở lên được miễn học các môn tiếng Việt trình độ trung cấp và nâng cao; (sinh viên chỉ phải học môn Tiếng Việt cao cấp). Tuy nhiên, do tầm quan trọng của các môn tiếng Việt, nhà trường khuyến khích sinh viên nên tham dự lớp đầy đủ và nên tham gia kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ; kết quả kiểm tra các môn học nói chung và các môn tiếng Việt nói riêng là cơ sở để nhà trường xét cấp học bổng hàng năm cho sinh viên

학교 규정에 따라, 베트남어 인증서 B 또는 베트남어 중급, 고급 (고급 베트남어를 공부한 학생만) 수준의 경우 베트남어 수업이 면제됩니다. 그러나, 베트남어 과목의 중요성으로 인해, 수업 참여를 장려하고 있고, 중간 고사와 기말 시험에 참여하도록 하며, 베트남어 과목의 시험 결과는 매년 장학생 선발 기준이 된다.

IV. Điều kiện tốt nghiệp IV. 졸업 조건.

Hỏi문: Sinh viên cần học đủ bao nhiêu tín chỉ để đủ điều kiện tốt nghiệp?

Trả lời답: Về khối lượng học tập, theo quy định hiện tại, sinh viên cần tích lũy đủ số tín chỉ các môn học trong chương trình đào tạo theo quy định (tổng cộng từ 140 tín chỉ trở lên), có chứng chỉ Tin học trình độ A để được xét công nhận tốt nghiệp.

Hiện quy định thì sinh viên phải đạt được quy định về điểm trung bình môn học và điểm tổng kết để được xét công nhận tốt nghiệp. Theo quy định hiện tại, sinh viên phải đạt được điểm trung bình môn học từ 2.0 trở lên và điểm tổng kết từ 2.0 trở lên để được xét công nhận tốt nghiệp.

Hỏi문: Điểm rèn luyện là gì? Sử dụng kết quả rèn luyện như thế nào? 훈련교육 성적은 무엇인가? 이 성적 결과는 어떻게 사용되나?

Trả lời답: Điểm rèn luyện là điểm nhằm đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên về các mặt phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

훈련교육성적은 학생의 정치적인 의식, 도덕성과 생활 가치관 등을 평가하는 것으로 다음과 같은 사항에 따라 평가된다:

- Ý thức học tập; 학습 의식;
- Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường; 학교 내부 규정에 대한 의식;
- Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao; 사회, 문화, 예술, 스포츠 활동 참가 결과와 의식;
- Ý thức, kết quả tham gia phụ trách lớp trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên. 교내 학과 업무의 참여 결과 및 의식, 학생 훈련 및 수업 참여 성적.

Sử dụng kết quả rèn luyện 훈련 결과 사용처 :

- Kết quả rèn luyện của từng sinh viên được lưu trong hồ sơ quản

lý sinh viên của trường và ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện của từng sinh viên khi ra trường.

이러한 결과들은 졸업 시 학생 관리 기록부에 남게 되며 학업 및 훈련 결과 성적표에 기입된다.

- Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

결과가 좋은 학생들 경우 학교 차원에서 표창 심사를 한다.

- Sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học thì phải tạm ngừng học một năm học ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện kém cả năm lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

훈련이 저조한 학생 경우 1년 간 학업을 정지 시키고, 1년 2회 모두 저조하다고 판단될 경우 강제로 학업을 중단시킨다.

Hỏi문: Việc xét tốt nghiệp được thực hiện như thế nào? Thời gian nhận bằng tốt nghiệp? 졸업 심사는 어떻게 하며 졸업장 받는 시기는?

Trả lời답: Cuối mỗi khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp:

매 학기 말 다음의 조건을 충족하는 학생들은 졸업 심사 및 졸업이 인정될 수 있다:

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên (tính đến thời điểm xét tốt nghiệp);
형사적인 책임 추구나 기강을 해치치 않아야함(졸업 심사 시점까지 계산됨)
- Tích lũy đủ số học phần quy định (140 tín chỉ);
이수과목 이수 (140 학점)
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học phải đạt từ 5,0 trở lên.

전체 성적 평균 5.0 이상이어야만 함

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào biên bản và đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

매 학기를 마친 후 졸업사정회의 서류와 건의에 따라 총장은 졸업 조건을 갖춘 학생들에게 졸업이 인정됨을 결정 사인한다.

- Việc xét điều kiện tốt nghiệp do Hội đồng Trường tiến hành vào tháng 8.

매년 8 월, 학교회의에서 졸업여부 조건을 검토한다.

- Việc lên danh sách và tổ chức lễ trao bằng tốt nghiệp được Nhà trường tổ chức vào tháng 11 hàng năm.

졸업생 명단을 올리고, 졸업장 수여식은 매년 11 월 학교가 개최한다.

V. Các hoạt động ngoại khóa **학과 외 활동**

Hỏi문: Mục đích của đợt sinh hoạt Orientation là gì?
오리엔테이션의 목적은 무엇인가?

Trả lời: Vào đầu mỗi khóa học, Khoa tổ chức đợt sinh hoạt Orientation cho các tân sinh viên nhằm mục đích chính sau:

매 학년마다 학과는 다음과 같은 목적을 가지고 신입생을 위한 오리엔테이션을 개최한다.

- Phổ biến nội quy và quy chế, phương pháp học tập nhằm giúp sinh viên nắm rõ và có kế hoạch học tập đạt kết quả tốt.

학칙과 교칙, 학습 방법, 학생들이 분명하게 이해하고 좋은 결과를 얻는 학습계획인 세워지도록 하기 위한 것이다.

- Giới thiệu cho sinh viên hiểu những điểm cơ bản về Trường và Khoa.

학생들에게 학교와 학과를 소개하기 위한 것이다.

- Tạo cơ hội cho các sinh viên mới làm quen, kết bạn với nhau, giúp đỡ nhau trong học tập, sinh hoạt.

신입생 간 친밀감 및 학교 생활과 학업 중 상호협력하는 기회를 조성하기 위한 것이다.

- Tạo cơ hội để các tân sinh viên làm quen với các sinh viên năm thứ hai và với giáo viên chủ nhiệm.

신입생과 2학년 선배 및 주임 강사 간의 친밀감을 조성하기 위한 것이다.

Hỏi문 : Tham gia sinh hoạt Orientation có phải là hoạt động bắt buộc không? 오리엔테이션은 꼭 참여해야 하는 행사인가?

Trả lời답 : Đối với sinh viên học tại Khoa Việt Nam học, sinh hoạt Orientation đầu khóa học là một trong những hoạt động bắt buộc sinh viên phải tham gia.

베트남학과에서 공부하는 학생들에게 오리엔테이션 시간은 학생들이 꼭 참석해야 하는 필수 프로그램이다.

Hỏi문 : Ngày hội Việt Nam học được tổ chức nhằm mục đích gì? 어떤 목적으로 <베트남학과의 날>을 개최하는가?

Trả lời답 : Vào tháng 12 hàng năm, Khoa tổ chức Ngày hội Việt Nam học nhằm mục đích tạo sân chơi bổ ích cho sinh viên nói riêng và tất cả các học viên đang theo học tại khoa nói chung. Đây cũng là dịp để sinh viên/học viên có thêm điều kiện giao lưu, học hỏi, nâng cao hiểu biết về văn hóa, con người Việt Nam và các nước.

매년 12월 베트남학과는 <베트남학과의 날>을 개최한다. 이 때 베트남인, 베트남 문화 및 여러나라에 대한 이해 및 학습, 교류를 증진 하고자 학생들을 위한 행사이다.

Hỏi문 : Hoạt động Thực tập – Thực tế được tổ chức như thế nào? Được tính mấy tín chỉ?실제-실습활동은 어떻게 하며 몇 학점으로 계산되는가?

Trả lời 답 : Hoạt động thực tập – thực tế là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bậc cử nhân, bắt buộc mọi sinh viên phải tham gia để đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm học 2011-2012 học phần này sẽ được tính bằng 4 tín chỉ.

Thực tế- thực tập là hoạt động trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học, là một trong những điều kiện cần thiết để sinh viên có thể tiếp cận với thực tiễn xã hội, rèn luyện kỹ năng sống, xã hội như các hoạt động bảo vệ, làm sạch môi trường, hành động vì an sinh xã hội.

- Đợt thực tế được tổ chức vào cuối học kỳ 1 của năm thứ ba, kéo dài khoảng từ 10 đến 15 ngày tùy thuộc vào yêu cầu của đợt thực tế, dưới sự hướng dẫn của các thầy cô trong Khoa. Cuối đợt thực tế, sinh viên viết báo cáo thực tế nộp lại để giáo viên xem xét chấm điểm (2 tín chỉ).

3 năm 1 học kỳ cuối cùng, sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan, tổ chức, địa phương, các cơ quan chức năng, các tổ chức xã hội, các tổ chức nghiên cứu, các tổ chức phi lợi nhuận, các tổ chức xã hội dân sự, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội khác. Thời gian thực tập từ 10-15 ngày. Sinh viên thực tập phải có báo cáo thực tập nộp lại để giáo viên xem xét chấm điểm (2 tín chỉ).

- Bên cạnh hoạt động Thực tế, khoa còn tổ chức hoạt động Thực tập (2 tín chỉ), dành cho sinh viên từ năm thứ 3 trở lên. Mục đích của hoạt động Thực tập là giúp sinh viên định hướng rõ ràng hơn về nghề nghiệp qua việc tham gia vào hoạt động của các công ty. Khoa sẽ giới thiệu địa điểm và thời gian thực tập cho sinh viên lựa chọn.

Thực tế thực tập là hoạt động thực tập ngoài giờ học, là một trong những điều kiện cần thiết để sinh viên có thể tiếp cận với thực tiễn xã hội, rèn luyện kỹ năng sống, xã hội như các hoạt động bảo vệ, làm sạch môi trường, hành động vì an sinh xã hội.

Hỏi 問 : Chương trình Mùa hè xanh được tổ chức như thế nào? Mùa hè xanh (푸르른 여름) 행사는 어떻게 열리는가?

Trả lời 답 : Chương trình Mùa hè xanh do Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường tổ chức vào kỳ nghỉ hè hàng năm, bắt đầu từ giữa tháng 7. Đây là chương trình dành cho sinh viên tình nguyện hoạt động nhằm rèn luyện kỹ năng hòa nhập với thực tiễn cuộc sống, xã hội như các hoạt động bảo vệ, làm sạch môi trường, hành động vì an sinh xã hội.

xã hội (trao học bổng, dạy nghề, giới thiệu việc làm...), hành động vì trẻ em, chung tay xây dựng nông thôn mới v.v...

학교 학생회와 청년단이 매년 여름방학 개최하는 행사로 7 월 중순부터 시작된다. 본 행사는 환경 보호, 환경 미화 등 생활 및 사회 적응 능력을 기르기 원하는 학생들을 위한 행사이다.

Hỏi문 : Câu lạc bộ Việt Nam học hoạt động như thế nào? 베트남학과 동아리는?

Trả lời답 : Câu lạc bộ Việt Nam học được thành lập nhằm giúp sinh viên/học viên có các buổi sinh hoạt nhóm, tạo sân chơi bổ ích với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao các kỹ năng về tiếng Việt và bổ sung những kiến thức về Việt Nam học (đất nước, con người, lịch sử, văn hóa.... Việt Nam). Để khuyến khích sự sáng tạo của sinh viên, nội dung và hình thức sinh hoạt câu lạc bộ Việt Nam học chủ yếu do sinh viên chủ động tổ chức, thầy cô trong Khoa đóng vai trò là người hỗ trợ, giúp đỡ như phòng ốc, cơ sở vật chất kỹ thuật...

베트남학과 동아리는 학생들의 베트남어 실력과 베트남학 (베트남 문화 및 역사....) 에 대한 지식을 향상시키기 위해서 여러 다양한 형태의 유익한 장을 마련하고 단체 생활 시간을 갖기 위해 조직되었다. 학생들의 창의성과 주도적인 개최를 권장하기 위해 베트남학과 강사진이 하는 역할은 학생들을 지원하고 돕는 일이다.

**VI. Học phí, Học bổng & Các dịch vụ cho sinh viên
학비, 장학금, 학생을 위한 서비스**

Hỏi문 : Sinh viên khoa Việt Nam học đóng học phí như thế nào? 학비 납부는 어떻게 하나?

Trả lời답 : Học phí đối với sinh viên Khoa Việt Nam học do Nhà trường quy định và được thông báo vào mỗi năm học. Sinh viên có thể đóng học phí cho từng năm học chia làm 2 lần vào học kỳ 1 và học kỳ 2, theo thời hạn quy định được Nhà trường thông báo, đóng tại phòng B004.

베트남학과 학생 학비는 학교 규정에 따라 매년 통보한다. 1년에 2회 나누어서 학기별로 학교가 통보한 규정 기한에 따라 학비를 납입할 수 있다.

Hỏi문 : Điều kiện để được nhận học bổng? 장학금 조건

Trả lời : Vào mỗi học kỳ, Nhà trường căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên ở học kỳ trước để xem xét việc cấp học bổng khuyến khích học tập. Những sinh viên được nhận học bổng là những sinh viên có kết quả học của học kỳ đạt loại giỏi, xuất sắc và có kết quả xếp hạng cao nhất trong lớp. Ngoài kết quả học tập cao, sinh viên được xét chọn cấp học bổng còn phải điểm rèn luyện tốt (có đạo đức tốt, tích cực tham gia các phong trào của lớp, của Trường, chấp hành tốt những nội quy, quy chế của Nhà trường v.v...)

매 학기마다 학교는 지난 학기 학생의 훈련과 학습활동 결과를 근거로 하여 학습을 권장하기 위해 장학금 대상자를 심사한다. 장학금을 받는 학생들은 우수한 성적 (giỏi, xuất sắc)을 받은 학생과 학과 최우수 학생들이다. 성적 이외에도 훈련 성적(도덕성, 학교 및 학과 활동에 적극적인 참여, 학교 규율 엄수 등등...)이 좋아야만 장학금을 받을 수 있다.

Hỏi문 : Nhiệm vụ của tư vấn học tập? Giáo viên chủ nhiệm? Học업 자문 업무와 주임강사의 업무는 무엇인가?

Trả lời : Ban tư vấn và hỗ trợ sinh viên là bộ phận có trách nhiệm giúp sinh viên tìm hiểu rõ quy chế và những quy định của trường; của Khoa, hướng dẫn giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường. Đồng thời Ban cũng đảm nhận nhiệm vụ tư vấn và hỗ trợ sinh viên khi gặp những vấn đề hay khó khăn trong cuộc sống.

학생들이 학교의 규정과 규율을 잘 이해할 수 있도록 돕는 업무이다. 학생을 위한 자문 및 지원 센터가 이 업무에 대한 책임을 질 것입니다. 또한 일상생활속에 있는 어려움에 관련문제들도 해결해 도와줄 것입니다.

Giáo viên chủ nhiệm đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn cho sinh viên lập kế hoạch học tập, đăng ký môn học, rèn luyện nhân cách; tư vấn cho

sinh viên trong học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động phong trào, xã hội.

주임 강사는 학생들의 학습 계획, 수강신청, 인격 단련, 학습 시 학생 자문, 각종 사회 활동이나 행사 활동 참가 등을 돕는 역할이다.

Hỏi문 : Học thêm tiếng Việt? 베트남어 보충 학습?

Trả lời : Việc học thêm tiếng Việt của sinh viên được Khoa khuyến khích và giúp đỡ. Nếu sinh viên đang học đại học, đăng ký học thêm tiếng Việt tại Khoa sẽ được Khoa giảm 50% học phí. Sinh viên có chứng chỉ tiếng Việt trình độ B, C do Trường Đại học KHXH-NV cấp thì được miễn dự giờ tiếng Việt trên lớp ở các học kỳ 1 và 2.

학생들의 베트남어 보충학습을 학과는 권장하며 도움을 준다.

보충 학습을 원하는 학생은 학과에 보충학습에 등록하면 학과는 50%의 학비를 감해 준다. 베트남어 B,C 수준의 자격증을 소지한 학생은 1,2 학기 수업에서 베트남어 수업을 면제받을 수 있다.

Hỏi문 : Chương trình giao lưu văn hóa & ngôn ngữ của Đoàn Thanh niên? 청년단의 언어문화 교류 프로그램?

Trả lời : Chương trình giao văn hóa và ngôn ngữ do Đoàn Thanh niên Trường Đại học KHXH-NV tổ chức nhằm giúp sinh viên Việt Nam và sinh viên các nước đang học tập tại Trường có dịp gặp gỡ làm quen, thực tập tiếng và trao đổi kiến thức về văn hóa Việt Nam và văn hóa các nước. Sinh viên có yêu cầu có thể liên lạc trực tiếp với Văn phòng Đoàn Thanh niên của Trường.

호찌민인사대 청년단이 조직하는 베트남학생과 외국학생 간의 언어문화교류프로그램은 서로를 잘 알고 베트남어를 실습함은 물론 베트남문화와 각 나라의 문화에 대한 생각을 나누는 기회가 된다. 원하는 학생들은 청년단과 직접 연락할 수 있도록 요청할 수 있다.

Hỏi문 : Việc cấp Thẻ Sinh viên được thực hiện như thế nào?
학생증 발급 업무?

Trả lời답 : Vào đầu khóa học, khi làm hồ sơ nhập học, sinh viên có điền vào phiếu đăng ký làm thẻ sinh viên (Thẻ Sinh viên này cũng đồng thời là Thẻ Thư viện). Phòng Công tác Sinh viên của Trường sẽ nộp Phiếu đăng ký làm thẻ sinh viên này cùng với bản sao hộ chiếu, 2 hình thẻ 3 x4 cm cho Ngân hàng để Ngân hàng tiến hành việc làm thẻ sinh viên. Để tiện cho việc cấp thẻ sinh viên được nhanh chóng, yêu cầu sinh viên nộp đủ hồ sơ và điền thông tin chính xác vào các mẫu đơn.

등록 후 입학원서를 낼때 학생증발급신청서를 제출하면 된다.(본 학생증은 도서이용증과 같이 사용됨). 학생관리처(B002) 에 학생증발급신청서를 제출할 때 여권 사본과 사진 2장(3 X4cm)이 필요하다 (학생증 발급 시 은행 업무를 위해). 신속한 발급을 위해 학생들은 필요한 서류를 모두 제출하고 신청서에 정확한 정보를 기재해야 한다.

Trường hợp trong quá trình học tập tại Trường, sinh viên làm mất thẻ sinh viên thì có thể đến Phòng Công tác sinh viên (B002) xin làm lại (mang theo 2 ảnh thẻ 3 x 4 cm và lệ phí làm thẻ).

학교 재학 중 학생증을 분실한 학생은 학생관리처(B002) 에 재발급 신청을 하면 된다 (이때 사진 2 장(3 X4cm)과 수수료가 필요함)

Hỏi문 : Sinh viên có thể sử dụng thư viện như thế nào? 도서관 이용은 어떻게 하는 것인가?

Trả lời답 : Sinh viên Khoa Việt Nam học có thể sử dụng thư viện Khoa và thư viện Trường để đọc, mượn sách, tài liệu phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Thẻ sinh viên cũng đồng thời là thẻ thư viện nên khi vào thư viện, sinh viên cần trình thẻ sinh viên cho cán bộ phụ trách thư viện và chấp hành đúng những hướng dẫn, nội quy quy định của thư viện.

답변 : 베트남학과 학생들은 학교 도서관을 이용할 수 있으며, 연구나

학업에 필요한 자료, 도서대출이 가능하다. 학생증은 도서관이용증과 같으므로 도서관 이용 시 도서관 담당자에서 제시하고 도서관 이용규정과 지침을 준수한다.

Hỏi문 : Khi sinh viên có nhu cầu xin làm visa, cần phải làm gì?
비자를 신청하려면 어떻게 해야 하나?

Trả lời : Khi có nhu cầu xin visa sinh viên, trước khi hết hạn visa 02 tuần, sinh viên mang passport gốc đến văn phòng Khoa gặp cô Phượng hoặc cô Phước để được hướng dẫn thủ tục. Sinh viên phải đóng đầy đủ học phí đến học kỳ đang học mới được xét xin cấp visa.

비자 신청을 원하는 학생은 비자만료기간 2주 전에 여권 원본을 가지고 학과를 방문하여 여권담당자인 Phượng 선생 또는 Phước 선생에게 수속에 따른 안내를 받으면 된다. 비자를 산정하는 학생은 현재 수업 중에 있는 수업료를 반드시 완납해야 한다.

VII. Các biểu mẫu 각종 서식

Hỏi문 : Tại website của Khoa Việt Nam học (www.vns.edu.vn), sinh viên có thể sử dụng các loại biểu mẫu nào? 학과 웹사이트에서 각종 서식을 사용할 수 있나?

Trả lời : Tại website của Khoa Việt Nam học, sinh viên có thể download các biểu mẫu sau để sử dụng (vào mục Tư liệu & Tra cứu, bấm vào Tài liệu & Biểu mẫu):

웹사이트에서 각종 서식을 다운로드 받을 수 있다. (자료실클릭 후 서식을 누르면 된다):

- 1- Xác nhận sinh viên bằng tiếng Anh 학생증인 신청서(영어)
- 2- Giấy ủy quyền nhận bằng tốt nghiệp
졸업 증명서 받는 권한 부여 샘플
- 3- Mẫu Đơn xin cấp lại thẻ sinh viên 학생증 재발급신청서

- 4- Mẫu Đơn xin chuyển khoa 전과 신청서
- 5- Mẫu Đơn xin chuyển trường 전교 신청서 (학교를 바꿈)
- 6- Mẫu Đơn xin phép nghỉ học (ngắn hạn) 휴학신청서(단기 휴학)
- 7- Mẫu Đơn xin tạm ngưng học (từ 1 học kỳ trở lên)
학업중단신청서(1 학기 이상부터)
- 8- Mẫu Đơn xin nhập học lại. 재입학신청서
- 9- Đơn xin bảo lưu kết quả trúng tuyển đại học 대학입학 결과
보류 신청서
- 10- Mẫu Đơn đăng ký xét tốt nghiệp 졸업조건 검토 신청서

VIII. Quy chế công tác sinh viên 규제 학생 활동

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH&NV
KHOA VIỆT NAM HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2016

QUY CHẾ **Công tác sinh viên** **(Phần dành cho sinh viên nước ngoài)**

Quy chế này quy định những vấn đề chung về công tác đối với sinh viên là người nước ngoài (SVNN) của Khoa Việt Nam học (Khoa VNH), Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGTPHCM, phù hợp với đặc thù của sinh viên Khoa VNH, trên cơ sở Quy chế công tác sinh viên của Trường ĐHKHXH&NV. Quy chế này áp dụng đối với SVNN tại Khoa VNH.

1. Tổ chức, quản lý hoạt động học tập và rèn luyện cho SVNN

- Hàng năm, Trường ĐHKHXH&NV tổ chức thi tuyển, xét tuyển cho những thí sinh có nguyện vọng đăng ký vào học bậc đại học ngành Việt Nam học.
- Trường ĐHKHXH&NV tổ chức Lễ khai giảng và giao cho Khoa VNH tổ chức chương trình Orientation vào đầu năm học mới cho sinh viên năm thứ nhất.
- Khoa VNH có trách nhiệm tổ chức các hoạt động tư vấn về nội dung ngành học, phương pháp học tập, phương pháp nghiên cứu khoa học và những vấn đề khác trong sinh hoạt, học tập tại Việt Nam cho SVNN của Khoa.
- Khoa có trách nhiệm tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu, thực tập thực tế, sinh hoạt cộng đồng, các hoạt động văn thể mỹ... cho SVNN của Khoa.
- Khoa VNH có trách nhiệm phối hợp với các phòng, ban có liên quan trong trường tổ chức đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên; tổ chức lễ trao bằng tốt nghiệp cho sinh viên.
- Khoa VNH có trách nhiệm xây dựng và phát triển Ban liên lạc cựu sinh viên, khai thác hiệu quả các nguồn lực của cựu sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tìm kiếm công ăn việc làm và phát triển thương hiệu của Trường, của Khoa.

2. Quyền của SVNN

- Được hỗ trợ làm các thủ tục liên quan đến thị thực, tạm trú.
- Được nhận vào học đúng ngành đã trúng tuyển.
- Được phổ biến nội quy, quy chế học tập.
- Được cung cấp chương trình, kế hoạch đào tạo trước mỗi học kỳ.
- Được hỗ trợ, hướng dẫn tạm hoãn môn học, tạm ngừng học hoặc bảo lưu kết quả do thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc lý do sức khỏe theo các quy định của Trường ĐHKHXH&NV
- Được tham gia học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động công đồng, được tham gia các câu lạc bộ của khoa như Câu lạc bộ tiếng Việt, Câu lạc bộ thể thao và các chương trình ngoại khóa khác.
- Được xét nhận học bổng khuyến khích học tập theo các quy định của Trường ĐHKHXH&NV.
- Được sử dụng thư viện, các trang thiết bị phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học của Trường ĐHKHXH&NV và Khoa VNH.
- Được đóng góp ý kiến về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy; được tham gia lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi kết thúc các môn học, chương trình học.
- Được khiếu nại các vấn đề có liên quan đến sinh viên như học tập, môi trường đào tạo, cơ sở vật chất.
- Được tư vấn, hướng nghiệp và trang bị các kỹ năng cần thiết cho việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai.
- Được cấp bằng tốt nghiệp khi hội đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định của Trường ĐHKHXH&NV.
- Được học chuyển tiếp bậc học cao nếu có nguyện vọng và đáp ứng đủ điều kiện xét tuyển của Trường ĐHKHXH&NV.

3. Nghĩa vụ của SVNN

- Hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định của Trường ĐHKHXH&NV; c.huẩn bị bài, tham dự lớp đầy đủ và đến lớp đúng giờ.
- Tôn trọng giảng viên, cán bộ, nhân viên trong trường; hoà nhã, lịch sự với mọi người; ăn mặc trang phục lịch sự, phù hợp với môi trường đại học; đeo thẻ sinh viên

khi vào trường.

- Đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện; tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử.
- Đón học phí đầy đủ và đúng quy định.
- Giữ gìn, bảo vệ tài sản, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập;
- Tham gia các hoạt động vì cộng đồng, các hoạt động văn thể mỹ, các hoạt động ngoại khóa do Trường ĐHKHXH&NV và Khoa VNH tổ chức.

4. Các hành vi SVNN không được làm

- Thực hiện các hoạt động, hành vi trái với các quy định của Trường ĐHKHXH&NV; thành lập, tham gia các hoạt động mang tính chất chính trị trái pháp luật; thành lập, tuyên truyền, tham gia các hoạt động tôn giáo trái pháp luật.
- Xúc phạm danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, nhân viên và sinh viên khác.
- Gian lận trong học tập và thi cử dưới mọi hình thức. Tổ chức các hoạt động tập thể mang danh nghĩa của Trường, Khoa khi chưa được lãnh đạo Trường ĐHKHXH&NV, Ban Chủ nhiệm Khoa VNH cho phép bằng văn bản.
- Hút thuốc trong khuôn viên trường.
- Mặc trang phục phản cảm (quần soọc, áo dây, mang dép lê) khi vào trường; đội nón trong lớp học; viết vẽ lên bàn ghế, tường của lớp học và trong khuôn viên trường học.
- Làm hư hại các thiết bị, tài sản trong phòng học và trong khuôn viên trường.

5. Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

- Việc đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên theo năm học được trên các mặt sau đây:
 - i) Ý thức và kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên;
 - ii) Ý thức và kết quả chấp hành quy chế của Trường ĐHKHXH&NV, của Khoa VNH;
 - iii) Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động vì cộng đồng, hoạt động ngoại khóa, văn thể mỹ, Câu lạc bộ tiếng Việt.

- Hình thức đánh giá: Lớp trưởng cùng với Giáo viên chủ nhiệm và các Giảng viên trực tiếp giảng dạy tiến hành đánh giá thông qua bảng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên; trình Ban Chủ nhiệm Khoa xem xét phê duyệt, trước khi nộp cho Phòng Công tác sinh viên.

- Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại:

1. Loại đạt:

- i) Xuất sắc: Từ 9 đến 10
- ii) Giỏi: Từ 8 đến cận 9
- iii) Khá: Từ 7 đến cận 8
- iv) Trung bình khá: Từ 6 đến cận 7
- v) Trung bình: Từ 5 đến cận 6

2. Loại không đạt:

- i) Yếu: Từ 4 đến cận 5
- ii) Kém: Dưới 4

- Kết quả rèn luyện được sử dụng để đánh giá kết quả học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức của sinh viên trong quá trình đào tạo; xét học bổng và khen thưởng; ghi vào bảng điểm học tập trong hồ sơ tốt nghiệp.

Trưởng Khoa

PGS.TS. Lê Khắc Cường

호치민시, 2016 년 3 월 4 일

규제
학생 활동
(외국인 학생 위한)

이 규제는 호치민시 국립대학에 속한 인문사회과학대학교 (이후 '인사대'라고 함)의 학생활동 규제에 근거하여 인사대 베트남학과의 외국인 학생에 관한 문제들을 규정한다. 이 규제가 베트남학과의 외국인 학생에게 적용된다.

제1조 외국인 학생을 위한 학습활동의 조직·관리에 관한

- 매년 인사대는 베트남학을 전공하고자 하는 학부 응시자에게 입학전형을 실시하고 선발하여 모집한다.
- 인사대는 1학년 학생에게 새 학년 초에 개강식을 개최하고, 베트남학과가 오리엔테이션 진행을 담당한다.
- 베트남학과는 본 학과의 외국인 학생들에게 전공학습 내용·학습 방법·과학연구 방법 및 베트남에서의 학업·생활 문제에 관한 상담 활동을 진행할 책임을 갖는다.
- 베트남학과는 본 학과의 외국인 학생들에게 문예·체육·미술 활동, 봉사 활동, 체험 활동, 학습·연구 활동 등을 진행할 책임을 갖는다.
- 베트남학과는 교내 관계 사무실, 위원회 등과 협력하여 학생의 학습평가와 졸업증서 수여식을 진해할 책임을 갖는다.
- 베트남학과는 학생들의 취업능력향상, 교육 능력 개선 및 인사대·베트남학과의 명성을 발전시키기 위하여 학우회를 설립하고 발전시키며 졸업생 원조·도움을 효과적으로 사용할 책임을 갖는다.

제2조 외국인 학생의 권리

- 거주 및 비자에 관한 수속 지원.
- 합격한 전공분야에서의 학습 가능.
- 학습 규제 및 학칙에 관한 주지.
- 매 학기 전 강의 계획·프로그램의 제공.
- 건강, 의무 병역 등의 경우 인사대의 규정에 따른 학습 결과 보존·자퇴·교과목 중지에 관한 안내.
- 봉사 활동 및 과학 연구·학습 활동 등에 참가.
- 스포츠 동아리, 기타 과외 동아리 및 베트남어 동아리 등과 같은 베트남학과의 동아리들에 참가.
- 인사대가 정하는 규정에 따른 권학 장학금 수여.
- 학습·과학연구를 위한 도서관 등 인사대·베트남학과의 시설 사용
- 교육 방법, 교육 프로그램 내용 및 교육 목표에 대한 의견 제안.
- 종강 후 교과목 및 학습 프로그램에 대한 평가.
- 학습 시설, 학습 환경 등 학생과 관련된 문제들에 대한 이의 제기.
- 미래의 직업 발전을 위해 필요한 기능에 대한 상담.
- 인사대가 규정된 졸업요건을 만족할 때 졸업장 발급.
- 인사대 입학전형의 요건들을 충족할 경우 석사과정 진학 가능.

제3조 외국인 학생의 의무

- 인사대가 규정한 교육과정 이수.
- 예습·출석 및 규정수업시간 준수.
- 학교에 속한 직원·간부·강사·교수 등에 대한 존중.
- 모든 사람과의 우호 관계 유지.
- 학교 환경에 어울리는 복장 준수.

- 등교 시 학생증 패용.
- 학습을 위한 상호 지원.
- 학습 과정의 부정행위 예방·만전 및 부정행위 발생 시 관련 책임자에 적극 통지.
- 규정에 따른 학비 정액 납부.
- 학습 도구·재산 보관.
- 인사대·베트남학과가 조직하는 봉사 활동, 문예·체육·미술 활동 및 기타 과외 활동 참가.

제4조 외국인 학생의 금지 행위

- 인사대가 정하는 규정에 반하는 행위.
- 불법적 정치 활동 조직 및 참가 행위.
- 불법적 종교 활동 조직, 선전 및 참가 행위.
- 기타 학생, 직원, 강사분의 명예, 신체 훼손 및 침해 행위.
- 모든 학습 부정 행위; 인사대·베트남학과 지도자의 서면 허가 없이 학교·학과의 명칭 도용 행위.
- 교내 흡연 행위.
- 등교 시 슬리퍼, 반바지, 나시 등 적절치 못한 복장 착용, 수업 중 모자 착용 및 학교, 교실에 비치된 책상, 의자 등에 낙서 행위.
- 교내 재산·설비 손해 행위.

제5조 학생 학습 결과 평가

- 학년마다 각 학생의 학습 결과 평가가 아래와 같이 실시할 것이다.
 - i) 학생의 학습 태도·결과 및 과학 연구 태도·결과에 근거함.
 - ii) 인사대·베트남학과외의 규제 준수에 대한 태도·결과에 근거함
 - iii) 봉사 활동, 과외 활동, 문예·체육·미술 활동 및 베트남어 동아리 활동 등에 대한 참가 태도·결과에 근거함.

- **평가 형식:** 학생의 학습 결과를 통하여 반장이 주임선생님 및 직접 강사하시는 선생님과 같이 평가한 후, 학과 지도자의 승인을 위해 학과 사무실에 제출해야 한다. 승인을 득한 후 학생사무실 (학생지원센터)에 제출해야 한다.
- 학습 성적은 100점 만점으로 평가될 것이다. 학습 평가는 아래와 같이 나누게 된다.

1. 합격

- 매우 우수: 90~100이하
- 우수: 80이상 ~90이하
- 준 우수: 70이상 ~80이하
- 보통상: 60이상 ~70이하
- 보통하: 50이상~60이하

2. 불합격

- 부족: 40이상 ~50이하
- 매우 부족: ~40이하

이 교육 결과는 학생들의 도덕, 수련, 학습 결과를 평가하기 위해; 상훈·장학금을 받을 학생의 자격요건을 평가하기 위해; 졸업서류에 있는 학습 성적표에 기록하기 위해 사용될 것이다.

베트남학과
학과장

Lê Khắc Cường